TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 5 - 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đới Văn Trinh

2. Ông Phạm Phúc Ân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đ Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 488/2019/TLST-HNGĐ ngày ngày 13 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Khắc N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

* Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Cháu Phạm Khắc Đ, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị Q, anh N, bà T, bà Đ, cháu Đ đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Vũ Thị Q trình bày: Chị và anh Phạm Khắc N đăng ký kết hôn ngày 11/9/1999 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là thành phố C) trên cơ sở tự

nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, chị và anh N về chung sống tại nhà mẹ đẻ anh N ở thôn V, xã H. Năm 2009, vợ chồng chuyển sang chung sống trên đất nhà mẹ đẻ chị Q, cũng ở thôn V, xã H. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm nhau do bất đồng trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế. Khoảng năm 2012, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên anh N chuyển về nhà mẹ đẻ ở, sau đó bỏ ra ngoài làm ăn, không về nhà. Chị và gia đình vẫn liên lạc với anh N qua điện thoại nhưng anh N giấu địa chỉ, không nói rõ đang ở đâu. Vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được, vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Khắc Đ, sinh ngày 14/9/2000. Hiện tại, cháu Đ đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, tự lo được cuộc sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Phạm Khắc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến.

- Những người làm chứng:

Bà Trần Thị T - mẹ đẻ anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh N xuất phát từ ngăm 2009. Đến năm 2012, mâu thuẫn trầm trọng, chị Q đòi ly hôn và đuổi anh N ra khỏi nhà. Anh N đã thu dọn quần áo về nhà bà ở rồi bỏ đi từ đó đến nay không về. Thỉnh thoảng anh N có liên lạc với bà qua điện thoại thông qua mạng internet nhưng không nói rõ đang ở đâu. Bà đã thông báo cho anh N biết việc Tòa án thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị Q và anh N nhưng anh N nói là đang bận làm ăn không về được và cũng không nói rõ cụ thể địa chỉ anh N ở đâu. Nay chị Q xin ly hôn, quan điểm của bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Đ - mẹ đẻ chị Q; cháu Phạm Khắc Đ - con trai anh N đều xác định: Năm 2012, sau khi chị Q và anh N mâu thuẫn, anh N đã bỏ về nhà bà T (mẹ đẻ anh N) ở rồi bỏ ra ngoài làm ăn, không về nhà. Thỉnh thoảng có liên lạc với mẹ đẻ và con trai qua Zalo nhưng giấu địa chỉ, không nói rõ đang làm gì, ở đâu.

- Tại các biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn M - Trưởng thôn V và ông Bùi Minh Hiên – Phó trưởng Công an xã H đều xác định: Anh Phạm Khắc N hiện tại vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, thành phố C. Anh N không có đăng ký tạm vắng tại địa phương và không có thông tin anh N đăng ký tạm trú tại nơi khác.

- Tại công văn trả lời số 2611/QLXNC-P5 ngày 28/02/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định: Không có thông tin hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Phạm Khắc N.

Tại phiên toà:

Chị Q vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh N. Anh N được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Phạm Khắc N. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Khắc Đ, sinh ngày 14/9/2000, đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường. Do vậy, không đặt ra việc xem xét, giải quyết việc nuôi con chung. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Khắc N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận không có thông tin hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Phạm Khắc N. Chị Vũ Thị Q khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Khắc N, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Phạm Khắc N đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Q, anh N.

[3] Chị Vũ Thị Q và anh Phạm Khắc N kết hôn với nhau ngày 11/9/1999 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo. Do vậy, hôn nhân của chị Q, anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không

hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm, liên lạc với nhau. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh N đến Tòa án nhiều lần, anh N biết nhưng không đến Tòa, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị Q, anh N từ năm 2012 đến nay không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Q xin ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Khắc Đ, sinh ngày 14/9/2000. Hiện tại, cháu Đ đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường. Do vậy, không đặt ra việc xem xét, giải quyết việc nuôi con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Q, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Phạm Khắc N.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Khắc Đ, sinh ngày 14/9/2000, đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường. Do vậy, không đặt ra việc xem xét, giải quyết việc nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Q đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006289 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã H (Để ghi sổ hộ tịch);

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Kim Giang